

TIẾN TRÌNH ĐÔ THỊ HÓA Ở VIỆT NAM TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI TAM NÔNG

NGUYỄN MINH HÒA

TÓM TẮT

Sau hơn 20 năm tiến hành đô thị hóa, Việt Nam đã gặt hái được nhiều thành công trong phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, tăng trưởng kinh tế. Cũng như tất cả các nước châu Á khác khi tiến hành đô thị hóa, đặc biệt là giai đoạn chuyển đổi nhanh từ xã hội nông nghiệp sang xã hội công nghiệp, thương mại và dịch vụ, Việt Nam cũng gặp phải những khó khăn và thách thức trong việc chọn lựa con đường và cách thức đô thị hóa, đặc biệt là giải quyết mối quan hệ giữa đô thị và nông thôn. Bài viết xem xét các mô hình đô thị hóa trên thế giới; đánh giá lại quan điểm phát triển đô thị hóa của Việt Nam dưới các cấp độ và chiều kích khác nhau; xem xét thực trạng phát triển đô thị của Việt Nam từ 1990 đến nay, trong một số trường hợp có sự so sánh với các bài học kinh nghiệm của nước ngoài; đưa ra một vài gợi ý cho sự phát triển bền vững đô thị-nông thôn.

LỜI DẪN

Công nghiệp hóa và đô thị hóa là một tiến trình tất yếu đối với những nước nông nghiệp nghèo muốn trở thành quốc gia giàu mạnh trong thế kỷ XXI - thế kỷ của xã

hội đô thị. Đây được coi là một qui luật hợp lý bởi thực tế cho thấy chưa có quốc gia nào trở nên giàu có nếu chỉ thuần túy làm nông nghiệp, nhưng mỗi quốc gia cần phải tỉnh táo khi lựa chọn mô hình phát triển, định hướng chiến lược đô thị hóa cho phù hợp với bối cảnh kinh tế-xã hội của đất nước, cũng như phù hợp với tâm thế của dân tộc. Việt Nam đang đứng trước những câu hỏi lớn là việc đô thị hóa theo chiều rộng, thiên về tổ chức vật chất và không gian như hiện nay sẽ dừng lại khi nào? Tỷ lệ “tam nông” đến hết thế kỷ XXI này sẽ còn lại là bao nhiêu? Mô hình phát triển đô thị và nông thôn nào được cho là hợp lý cho bối cảnh quốc gia và quốc tế, cho trình độ phát triển và tránh được những rủi ro không lường trước? Những thông tin dưới đây có thể cần thiết cho các nhà nghiên cứu và các nhà lập chính sách.

1. KINH NGHIỆM ĐÔ THỊ HÓA CỦA CÁC NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ TRONG KHU VỰC TRONG MỐI QUAN HỆ ĐẾN NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN VÀ NÔNG THÔN

So với các nước châu Âu và Bắc Mỹ thì tiến trình đô thị hóa ở các nước châu Á diễn ra sau khoảng gần 300 năm, nước sớm nhất là Nhật Bản vào khoảng năm 1853. Ở Trung Quốc mặc dù có sự xuất hiện của “tô giới Anh Quốc” tại Thượng Hải vào năm 1842 sau chiến tranh thuốc phiện (còn gọi là chiến tranh nha phiến),

Nguyễn Minh Hòa. Phó Giáo sư tiến sĩ. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh.

nhưng đô thị hóa của Trung Quốc cũng chỉ bắt đầu lan tỏa rộng ra ở một số thành phố lớn như Bắc Kinh, Nam Kinh, và Thiên Tân vào những năm 1920. Đến những năm 1960 đô thị hóa mới đến các nước và vùng lãnh thổ công nghiệp hóa mới (NIC) như Singapore, Hàn Quốc, Đài Loan, Hong Kong và những năm 1970 mới đến các nước ở khu vực Đông Nam Á như Thái Lan, Philippines, Malaysia, trong đó có phần lãnh thổ phía Nam của Việt Nam. Còn đô thị hóa đúng nghĩa trên nền tảng của công nghiệp hóa và hiện đại hóa của Việt Nam chỉ thực sự bắt đầu vào năm 1990, năm 1986 chỉ mới là thay đổi nhận thức và bắt đầu khởi động tiến trình.

Trong mối quan hệ với tam nông, chúng ta thấy có 3 khuynh hướng phát triển sau đây

Bảng 1. Mức độ đô thị hóa của một số nước trên thế giới, tính theo qui mô dân số đô thị

Stt	Quốc gia, vùng lãnh thổ	Tỷ lệ dân cư đô thị %
1	Argentina	86
2	Úc	85
3	Bỉ	98
4	Đan Mạch	97
5	Israel	91
6	Iceland	91
7	Hàn Quốc	91
8	Tiểu vương quốc Ả rập	97
9	Lãnh thổ Macao	100
10	Hà Lan	90
11	Pháp	95
12	Quatar	91
13	Singapore	100
14	Lãnh thổ Đài Loan	78
15	Anh	90
16	Lãnh thổ Hồng Kông	100

Nguồn: World Population Date Sheet và các tài liệu tham khảo khác, 2006)⁽¹⁾

đã và đang diễn ra ở khu vực châu Á.

Thứ nhất, chỉ phát triển công nghiệp, dịch vụ, thương mại mà không phát triển nông nghiệp. Điển hình nhất ở châu Á là Singapore, Hongkong, Macao,... Singapore là quốc gia 100% sống nhờ dịch vụ như giáo dục, du lịch, y tế, vui chơi giải trí, phần thặng dư thu được sẽ mua thực phẩm, rau, nước sạch, vật liệu xây dựng từ bên ngoài. Việc phát triển quốc gia phi nông nghiệp thực sự đã diễn ra như một trào lưu mạnh mẽ ở các nước châu Âu, nhất là Bắc Âu vào những năm 80 của thế kỷ XX và hiện nay vẫn còn được duy trì. Xu hướng này đang gia tăng mạnh mẽ ở các nước châu Á (xem Bảng 1).

Thứ hai, thu hẹp dần nông nghiệp đến mức thấp nhất thường là dưới 5%. Trong số này phải kể đến một vài ví dụ điển hình như Nhật Bản, Hàn Quốc, Brunei. Năm 1960 khi bắt đầu tiến trình đô thị hóa nhanh dựa trên công nghiệp và dịch vụ, Hàn Quốc còn hơn 60% người dân làm nông nghiệp, đến 1990 số người làm nông nghiệp chỉ còn dưới 10% tổng dân cư, sau năm 2000 thì còn 5%, như vậy hơn 90% đất canh tác nông nghiệp chuyển thành đất đô thị và công nghiệp. Mặc dù Hàn Quốc được coi là mẫu hình thành công nhất thế giới về đô thị hóa và công nghiệp hóa, nhưng việc để mất “tam nông” được coi là bài học kinh nghiệm đau xót nhất và không còn cơ hội sửa sai⁽²⁾. Hầu hết các sản phẩm nông nghiệp phải nhập khẩu từ Mỹ và Trung Quốc từ gạo, thịt bò, trái cây, rau quả, thậm chí cả kim chi cũng phải nhập từ Trung Quốc. Rất may là thặng dư từ nền công nghiệp và dịch vụ của họ thừa sức trang trải cho nông nghiệp, nhưng hệ lụy

của nó trên các khía cạnh văn hóa, xã hội và tâm lý là rất lớn. Đã nhiều lần Hàn Quốc cố gắng đầu tư khôi phục lại các làng nông nghiệp mới, nhưng thất bại vì nông dân trở thành thị dân thì dễ nhưng ngược lại thì không thể, tương tự đất công nghiệp không thể hoàn thổ trở lại đất canh tác do bị chết bởi hóa chất, dầu mỡ,... thành phố không thể quay trở lại nông thôn được. “Việc mất trắng hoàn toàn nông thôn, nông nghiệp và nông dân là hiện thực. Điều này có thể đưa đến những hệ quả xấu về mặt xã hội, nhất là sự tồn tại của nền văn hóa bản địa khi mà cơ sở vật chất-xã hội để cho nó tồn tại không còn nữa. Hơn nữa việc mất nông nghiệp đã mang lại khó khăn cho Hàn Quốc trong vấn đề “an ninh lương thực” và khó cân đối lực lượng lao động mỗi khi có biến động ở khu vực công nghiệp và đô thị” (Nhiều tác giả, 2002, tr. 144-151).

Thứ ba, phát triển công nghiệp, dịch vụ nhưng vẫn còn giữ lại một tỷ lệ nhất định nông nghiệp như Thái Lan, Indonesia, Philippines, Malaysia, Đài Loan, Campuchia, Lào và Việt Nam. Tuy nhiên trong số này thì Đài Loan được coi là mẫu hình thành công nhất về kết hợp phát triển hài hòa giữa đô thị và nông thôn. Cho đến nay Đài Loan vẫn còn gần 30% tam nông, nhưng điều đặc biệt là nông thôn Đài Loan rất hiện đại và văn minh. Với một diện tích đất không lớn, nhưng do biết khai thác tốt, sử dụng công nghệ sinh học, kỹ thuật gieo trồng hiện đại cho nên Đài Loan không chỉ đảm bảo đủ lương thực cung ứng cho bản thân mà còn xuất khẩu trái cây, hoa tươi, gia cầm,... Ngược lại với Đài Loan, Indonesia và Philippines vốn là nước nông

ngiệp, đặc biệt là Philippines được coi là một trong những nơi xuất hiện lúa nước sớm nhất, nơi có Viện Nghiên cứu Lúa Quốc tế (IRI), nhưng hàng năm Philippines phải nhập gần 1 triệu tấn gạo, còn Indonesia nhập 1,5 đến 1,7 triệu tấn gạo từ Thái Lan và Việt Nam. Trong một nỗ lực lớn, Tổng thống Aquino mới lên đã tập trung đầu tư cho nông nghiệp ở vùng Mindanao ở phía Nam của Philippines, nhưng kết quả còn hạn chế vì Philippines là quốc gia sống nhờ tiền làm thuê cho thế giới với hàng triệu người đi xuất khẩu lao động gửi tiền về đất nước. Nông nghiệp do vậy, rất khó hồi sinh ở đất nước này.

2. ĐÔ THỊ HÓA Ở VIỆT NAM TRONG MỐI QUAN HỆ TỚI TAM NÔNG

Việt Nam đang tiến hành đô thị hóa trên một quy mô rất rộng lớn, và với một tốc độ khá nhanh. Nếu năm 2000 cả nước có 630 điểm dân cư đô thị thì đến 2010 có 755 đô thị, điều đó có nghĩa là mỗi tháng có một đô thị mới xuất hiện. Năm 2000 tỷ lệ dân cư đô thị toàn quốc là 22,3% thì năm 2010 là 31%, đây là giai đoạn có tốc độ đô thị hóa được đẩy lên nhanh nhất sau khi Hà Nội mở rộng (8/2008), tăng diện tích từ 924km² với 2,4 triệu dân lên 3.344km² (tăng 4 lần) và 6,448 triệu dân (tăng gấp 3 lần), trở thành thành phố đứng thứ 17 trên thế giới. Đồng thời trong giai đoạn 10 năm, chúng ta chứng kiến sự mở rộng từng ngày về quy mô và dân số của TPHCM, Đà Nẵng, Cần Thơ,... và sự nâng cấp hàng loạt điểm dân cư đô thị từ thị trấn lên thị xã, từ thị xã lên thành phố, từ cấp 4, 3, lên cấp 2, 1. Một loạt thành phố mới xuất hiện trên cơ sở nâng cấp trung tâm cũ của khu vực hay trên cơ sở

các khu công nghiệp và dịch vụ mới như Dung Quất, Hạ Long, Bến Tre, Quảng Ngãi, Cam Ranh, Vị Thanh... Nói một cách công bằng, so với các nước xung quanh thì quá trình đô thị hóa của chúng ta không phải là quá nhanh, thậm chí chậm hơn một số nước, nhưng so giai đoạn hiện nay với với toàn bộ tiến trình phát triển của chính chúng ta thì rõ ràng từ 1990 trở lại đây tốc độ đô thị hóa được coi là nhanh nhất và có qui mô lớn nhất từ trước tới nay (Xem Bảng 2).

Trước hiện tượng đô thị hóa nhanh như vậy, chúng ta rút ra được những điều gì từ quan điểm tam nông? Ở Việt Nam, nhiều người cho rằng đô thị hóa là quá trình chuyển đổi chức năng “tam nông”, chuyển từ người nông dân sang thị dân, từ làng xã nông nghiệp sang thành phố, làm gia tăng số lượng thành phố trong một quốc gia, làm gia tăng dân số và diện tích ở các thành phố,... đó là đô thị hóa theo chiều rộng (hay còn gọi là đô thị hóa thô), thiên về qui mô và tổ chức vật chất. Hiểu như

Bảng 2. Tỷ lệ đô thị hóa của một số nước Đông Nam Á theo tỷ lệ phần trăm dân số đô thị trên tổng dân số quốc gia⁽³⁾

Quốc gia	Năm			
	1950	1975	2.000	2010
Brunei	26,8	62,0	72,2	78,9
Indonesia	12,4	19,4	41,0	50,9
Malaysia	20,4	37,7	57,4	63,8
Philippines	27,1	35,6	58,6	60,1
Thái Lan	10,5	25,1	37,0	44,0
Việt Nam ⁽⁴⁾	11,0	21,5	23,5	31,0

Nguồn: Urbanization in Assia: An Overview. Graeme Hugo. University of Adelaide. Australia. 2010.

thể không sai, nhưng chưa đủ, có thể đưa đến những hệ lụy lâu dài.

2.1. Tác động xấu đến an ninh lương thực quốc gia khi mà diện tích đất nông nghiệp cứ giảm dần từng năm

Hiện nay quá trình đô thị hóa theo chiều rộng của Việt Nam diễn ra quá nhanh với qui mô ngày càng lớn. Theo kế hoạch sẽ có 123 thành phố, thị trấn tiếp tục được nâng bậc. Nếu vậy thì sẽ diễn ra 2 điều sau đây.

Một là, diện tích đất nông nghiệp bị sáp nhập vào đô thị trở thành đất phi nông nghiệp sẽ vô cùng lớn. Đây là hình thái phát triển giọt dầu loang hay nói như nhà xã hội học Đỗ Thái Đồng là trung tâm “liếm dần ra ngoại vi” thâu tóm dần ngoại vi.

Hai là, số lượng nông dân trở thành thị dân là rất nhiều, có thể là hàng triệu người. Những người nông dân này “bị” trở thành thị dân sau một quyết định hành chính và cũng là bắt đầu cuộc sống bấp bênh.

Đô thị hóa tự phát đồng nghĩa với việc đất đai nông nghiệp bị mất đi, theo thống kê của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì sau 10 năm (2000-2010) đất trồng lúa giảm mất 270.000ha. Tính trung bình mỗi năm, theo Lê Văn Bảnh cho hay, nước ta mất khoảng 70.000ha đất nông nghiệp cho công nghiệp và các loại dịch vụ mà hầu hết đều thuộc loại “bờ xôi, ruộng mật”. Nếu kể cả diện tích đất nông nghiệp chuyển đổi mục đích sang cho các sân golf, khu nghỉ mát, trang trại tư nhân, thì diện tích còn lớn hơn thế rất nhiều. Đồng bằng sông Cửu Long là vựa lúa lớn nhất của cả nước, với hơn 4 triệu ha đất nông nghiệp, mỗi năm cung cấp hơn 2,7 triệu tấn gạo cho nội địa và xuất khẩu. Nhưng từ năm

2000 trở về đây đang có xu hướng thu hẹp hoạt động nông nghiệp lại. Các tỉnh thuộc khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long phát triển các khu công nghiệp một cách thiếu tính toán. Hầu như tỉnh nào cũng mở các khu chế xuất, khu công nghiệp, cảng biển, sân bay cho dù rất nhiều khu công nghiệp chỉ chiếm đất nông nghiệp rồi để đó mà không có nhà đầu tư. Đến năm 2000 trên 40 khu công nghiệp đã ra đời ở Đồng bằng sông Cửu Long với tổng diện tích 10.500ha (hiện nay mới chỉ lấp được 1/3 diện tích), và trong 4 năm tới nữa ít nhất 40.000ha đất nông nghiệp tiếp tục để dành cho khu công nghiệp. Cả vùng Đồng bằng sông Cửu Long có tới 123 sân golf được quy hoạch với tổng diện tích đất nông nghiệp bị chuyển đổi là 15.200 ha, trong đó riêng Long An với 3 sân golf đã lấy đi 720ha đất nông nghiệp. Long An cũng dự kiến đến năm 2020 chuyển 30.000ha đất nông nghiệp sang đất công nghiệp. Ngoài đất nông nghiệp bị chuyển đổi thành đất công nghiệp, đô thị ra thì một số lượng đất trồng lúa rất lớn được chuyển sang để đào ao nuôi cá, tôm,... Nếu tính qui mô thì sự chuyển đổi này chưa phải là quá cao, nhưng điều đáng lo ngại là mức độ sẽ gia tăng nhanh, nhất là các tỉnh không có quan điểm “quy hoạch toàn vùng và cả nước” mà mạnh ai nấy phát triển cho nên đến một lúc nào đó đất sản xuất nông nghiệp sẽ bị giảm đi đáng kể, trong khi dân số của Việt Nam vẫn tăng khá cao, nếu các bước đi không cẩn trọng thì an ninh lương thực sẽ bị đe dọa (Nguyễn Minh Hòa, 2012, tr. 414).

Các cuộc khủng hoảng tài chính (1997) và khủng hoảng kinh tế thế giới (2008 đến nay) đã cho thấy nông nghiệp không mang

lại sự giàu có đột biến nhưng mang lại sự ổn định về đời sống, sự bình an cho xã hội. Người ta có thể không có xe hơi, tủ lạnh, nhưng nếu thiếu lương thực, thực phẩm sẽ rơi vào rối loạn, do vậy mà vấn đề bảo đảm lương thực được gọi là an ninh lương thực (food security) chứ không gọi an toàn lương thực. Tình hình an ninh lương thực sẽ trở nên trầm trọng hơn bởi biến đổi khí hậu. Theo kịch bản, nếu nước biển dâng từ 0,7-1m thì toàn bộ Đồng bằng sông Cửu Long và 87% diện tích của TPHCM bị ngập sâu dưới biển, như thế vùng lúa lớn nhất của Việt Nam không còn tồn tại nữa. Thực sự người ta chưa thể hình dung ra cuộc sống vào năm 2030 sẽ như thế nào nếu mọi dự báo trở thành hiện thực, và chúng ta không sớm có cách bảo vệ vùng nông nghiệp.

2.2. An ninh, an toàn của xã hội bị đe dọa
Một khi đất nông nghiệp bị giảm thì vấn đề không đơn giản là năng suất lúa bị giảm sút mà nảy sinh vấn đề nghiêm trọng khác là an ninh xã hội và an toàn trong đời sống bị đe dọa. Điều gì xảy ra khi mà số lượng lớn người đang làm nông nghiệp bị mất đất nhưng không chuyển đổi được nghề nghiệp, khi một cơ sở hạ tầng kỹ thuật và cơ sở hạ tầng xã hội vốn chỉ phục vụ chủ yếu cho nông nghiệp nay không chuyển đổi kịp công năng sang phục vụ cho xã hội công nghiệp đô thị hình thành quá nhanh chóng. Trong khi mà các trường dạy nghề, các nơi có thể chứa được lực lượng lao động “phi nông nghiệp” còn hạn chế, phát triển chậm chạp (thành thị, khu công nghiệp, cơ sở dịch vụ...) thì biến đổi xã hội quá nhanh sẽ khó lòng tránh khỏi những đổ vỡ xã hội. Trong đề án “Quy hoạch và xây dựng vùng Đồng bằng sông Cửu Long” của

Bộ Xây dựng có đề xuất phương án đến 2020 mức độ đô thị hóa là 40,6% với hơn 11 triệu người sống ở đô thị. Đây là một mong muốn tốt, nhưng cơ sở khoa học không vững chắc, bởi vì các nhân tố tác động để trong 13 năm nữa (2006-2020) dân số đô thị tăng lên thêm 20% (hiện nay là khoảng 21%, tính trung bình mỗi năm tăng 1,6%) là chưa hội đủ, đặc biệt là việc giải quyết sắp xếp việc làm cho khoảng 700.000 lao động chuyển đổi từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp mỗi năm là khó khả thi (3,26 triệu dân đô thị/tổng dân số 17.000.000 vào năm 2003 và dự tính 11 triệu dân đô thị/25 triệu vào năm 2020)⁽⁵⁾.

2.3. Mất lợi thế cạnh tranh và vị thế quốc gia
 Như đã biết, để đảm bảo an ninh chủ quyền, mỗi quốc gia không chỉ có lực lượng quốc phòng mạnh, quan hệ quốc tế tốt mà cần có những thứ để mặc cả với thiên hạ và được coi như một loại vũ khí chiến lược như dầu mỏ, kim cương, than đá, vị trí địa lý, và trong số đó có lương thực (gạo, cà phê,...). Vì điều này mà mỗi khi quốc gia đó bị đe dọa về an ninh thì các quốc gia khác có mối liên hệ về quyền lợi sẽ có sự hỗ trợ, chẳng hạn Thụy Sĩ là nơi có nhiều ngân hàng quốc tế hay khu vực Trung Đông có dầu mỏ. Một trong số các lĩnh vực giúp cho Việt Nam khẳng định được vị thế của mình trên trường quốc tế và trong khu vực chính vì Việt Nam là nước xuất khẩu gạo đứng thứ hai trên thế giới sau Thái Lan. Nhiều nước trong khu vực và trên thế giới hiện nay phụ thuộc vào việc xuất khẩu gạo của Việt Nam, trong khi số lượng quốc gia có khả năng xuất khẩu gạo trên thế giới là không nhiều (Thái Lan, Trung Quốc, Ấn Độ, Việt Nam). Nhưng nếu một khi nông nghiệp giảm sút, không còn nhiều gạo và

các sản phẩm nông nghiệp khác như cá, tôm, thịt, rau củ quả xuất khẩu nữa thì chắc chắn vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế cũng sẽ giảm sút, trừ khi có một loại sản phẩm nào khác thay thế mạnh mẽ như dầu khí, gas hay cà phê. Nhưng cho đến lúc này có thể khẳng định là chưa có một sản phẩm nào mang thương hiệu quốc gia mạnh có thể thay thế được gạo.

2.4. Mất cái nôi sản sinh và nuôi dưỡng văn hóa truyền thống bản địa

Ở đây có một nhận thức quan trọng cần được ghi nhận là đô thị phát triển trên nền tảng công nghiệp và dịch vụ không phải là sản phẩm của xã hội nông nghiệp kiểu châu Á, châu Phi. Nền văn minh lúa nước tạo nên các làng xã trù phú nhưng không tạo ra được các thành phố theo kiểu công nghiệp hiện đại. Đô thị công nghiệp là sản phẩm của châu Âu và Bắc Mỹ, văn hóa và lối sống đô thị hình thành trên nền tảng của đô thị hóa-công nghiệp hóa và xã hội dịch vụ. Mô hình đô thị của châu Á hiện nay thực chất là được du nhập từ phương Tây. Về nguyên lý thì kinh tế nông nghiệp phát triển đến đỉnh cao có thể đi đến công nghiệp, nhưng nếu để “tự nhiên” và “tự nó” (theo quan điểm của Marx) thì sự tiến hóa này sẽ diễn ra rất lâu, có thể tính đến hàng nghìn năm, nhưng có một điều may mắn là bằng nhiều con đường khác nhau các nền văn minh, các phần khác nhau của thế giới đã liên thông được với nhau (Nguyễn Minh Hòa, 2008, tr. 12-25).

Cội nguồn văn hóa Việt Nam có truyền thống từ nền nông nghiệp lúa nước. Nông nghiệp, nông thôn là nơi nuôi dưỡng, bảo vệ giá trị, phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc, do vậy mà một khi cái nôi sinh ra nó bị thu hẹp lại, biến mất đi thì cái “bản

sắc” đó cũng khó lòng mà tồn tại. Hiển nhiên các giá trị văn hóa truyền thống và những loại hình văn hóa truyền thống như chèo, cải lương, dân ca, dân vũ, tập quán rất khó tồn tại trong xã hội đô thị bởi chúng không có được sự cộng sinh đồng cảm của môi trường văn hóa. Hoặc nếu tồn tại thì chúng bị bóp méo và dị dạng đi, mà một trong số đó chính là các lễ hội văn hóa truyền thống. Ông Robert Zeigler - Tổng Giám đốc Viện Nghiên cứu Lúa Gạo quốc tế đặt trụ sở tại Philippines có nói: “Gạo không chỉ là một thực phẩm. Tại châu Á, gạo còn là văn hóa, xã hội, và thậm chí ở nhiều nơi nó còn là một thứ tôn giáo, cho nên nó mang sức nặng của tâm linh nhiều hơn các nơi khác”. Sẽ không ngạc nhiên nếu biết các nguyên thủ quốc gia ở Đông Nam Á luôn đưa việc duy trì và nuôi dưỡng văn hóa bản địa vào các chính sách như là một trong những mục tiêu phát triển quốc gia trong xu thế bị “Tây phương” lấn át. Khi còn đương chức, Thủ tướng Malaysia từng nói “nếu không giữ được hai thứ: tôn giáo địa phương và nông thôn thì rồi Malaysia chỉ là bản sao của Mỹ”.

2.5. Mất đi tập tục và đời sống tâm lý nông nghiệp

Sản xuất nông nghiệp trở thành một thói quen, tập tục và tâm lý ngàn đời đối với một đất nước mà đại đa số người dân làm nông nghiệp. Do vậy sự chuyển đổi từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp không phải là một tiến trình dễ dàng. Sẽ có rất nhiều người không thích nghi được. Hơn nữa nếu tổ chức xã hội không tốt sẽ không dung nạp hết lao động nông nghiệp dôi dư sau khi xóa tam nông và như thế sẽ làm nảy sinh ra nhiều hệ quả xấu về trật tự an ninh, ổn định chính trị. Việc cố gắng giữ

gìn phần nào tập quán nông nghiệp được thực hiện không chỉ ở châu Á mà còn cả ở châu Âu. Hình ảnh những người nông dân mang bí, ngô, cà chua, khoai tây chất đống ở quảng trường của các thành phố Paris, Lyon (Pháp) hay các đầu mối giao thông ở Đức, Áo..., chính là việc người nông dân phản kháng chính quyền muốn xóa bỏ nông nghiệp và gây sức ép buộc Chính phủ phải trợ giá nông sản, cho dù Chính phủ vẫn phải mua nông sản cao hơn sản phẩm cùng loại ở nước khác.

3. MỘT VÀI GỢI Ý CHO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG THÔN TRONG QUAN HỆ VỚI ĐÔ THỊ

Việc phát triển nông thôn không thể tách rời đô thị và ngược lại, bởi vì phát triển bền vững chỉ có một phía thì tiến trình này sẽ bị phá sản. Không phải vô lý mà từ năm 2003, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã có chủ trương phát triển nông thôn mới nhằm giảm bớt áp lực lên các thành phố và phát triển một xã hội hài hòa. Một nông thôn bền vững không đơn giản chỉ là cho người nông dân mà nó còn là sân sau của một quốc gia. Chính vì mức độ rủi ro cao và tính nhạy cảm của đô thị mà nông thôn luôn được coi là nơi bền vững nhất trước mọi biến động xã hội. Các cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính và chính trị đã chứng minh điều đó.

Để có thể phát triển bền vững cả đô thị và nông thôn thì cần phải tính đến một số vấn đề sau đây:

3. 1. Nhận thức lại quan niệm về đô thị hóa ở Việt Nam

Những hệ lụy trên đây đòi hỏi chúng ta phải “tư duy lại” về đô thị hóa một cách cẩn trọng và thấu đáo hơn. Đô thị hóa có hai

nội dung rất quan trọng (John, J. Macionis, 1991, tr. 561; J. John Palen, 1997, tr. 9-10). *Thứ nhất*, nó là tiến trình mở rộng không gian, thay đổi cấu trúc sống, gia tăng số đô thị, gia tăng diện tích thành phố, gia tăng dân số đô thị, làm giảm dần tam nông. Tiến trình sẽ chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng tăng công nghiệp, thương mại, dịch vụ và giảm nông nghiệp. Tuy nhiên nếu quá chú trọng vào tiến trình này sẽ đưa đến những hệ quả tai hại như đã trình bày ở trên.

Thứ hai, đô thị hóa còn là quá trình chuyển những giá trị ưu việt và ảnh hưởng tích cực của đô thị tới những vùng nông thôn, điều đó có nghĩa là những vùng “tam nông” vẫn được bảo tồn, nhưng có sự thay đổi về chất nhờ có “văn minh đô thị” chuyển về. Lúc này người nông dân vẫn làm nông nghiệp nhưng là nông nghiệp hiện đại. Các thành tựu mới của khoa học kỹ thuật trong sinh học, tin học, cơ khí, điện khí hóa, tự động hóa được đưa vào trong sản xuất nông nghiệp làm tăng năng suất lao động, nâng cao giá trị gia tăng trên một đơn vị đất. Người nông dân sẽ được thụ hưởng các dịch vụ của đô thị như nước sạch, điện, y tế, giáo dục, truyền thông, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội. Môi trường sống nông thôn có đầy đủ cơ sở hạ tầng kỹ thuật tương tự như đô thị (có thể khác về qui mô và cấu trúc), hơn thế nữa họ sống trong môi trường tự nhiên được bảo tồn gần như nguyên vẹn và môi trường xã hội thân thiện với tình nghĩa cộng đồng. Một đời sống như thế có chất lượng cao hơn cuộc sống chen chúc, khói bụi, đất đỏ và ngột ngạt của đô thị. Rất tiếc là nội dung quan trọng này chưa được chúng ta nhận thức thấu đáo.

Mô hình kết hợp cùng lúc cả hai chiều kích của đô thị hóa đã rất thành công ở Đài Loan, và một số tỉnh thành của Trung Quốc. Hình ảnh người nông dân Đài Loan đi xe hơi ra đồng ruộng, sống đàng hoàng trong những thị trấn làng cho thấy một hướng đô thị hóa không quá chú trọng đến tổ chức không gian vật chất của thành thị.

Để phát triển bền vững chúng ta cần nhận thức lại một cách nghiêm túc và hành động cần trọng. Nên chăng cho đến hết thế kỷ XXI này tỷ lệ đô thị hóa không quá 60%, 40% còn lại vẫn là “tam nông” được phát triển với một chất lượng cao hơn.

3.2. Nhận thức lại về công tác quy hoạch kinh tế-xã hội và quy hoạch không gian ở nông thôn.

Qui hoạch kinh tế-xã hội và qui hoạch không gian có mối quan hệ hữu cơ với nhau. Thường thì qui hoạch không gian phải đi sau qui hoạch kinh tế-xã hội. Nhưng hiện nay nhiều nơi đang làm ngược lại. Nếu qui hoạch không gian không khớp với qui hoạch kinh tế-xã hội thì sẽ dẫn đến hệ quả là qui hoạch treo làm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống. Một thí dụ điển hình là cách đây 12 năm, TPHCM công bố qui hoạch thành phố vệ tinh ở phía Tây Bắc nằm trong huyện Củ Chi với 350.000 ngàn dân. Nhưng cho đến nay không có một chút dấu hiệu nào cho thấy thành phố vệ tinh ra đời. Hệ quả là đất bị bỏ phí không ai trồng trọt gì cả, nhà không được xây cất. Hiện nay thành phố Hồ Chí Minh cũng như các tỉnh Tây Ninh, Long An đang tích cực tháo gỡ các qui hoạch treo nhằm đưa đất đai vào khai thác hiệu quả.

KẾT LUẬN

Để kết thúc bài viết này tôi muốn dẫn lời của

Steven Jaffe, điều phối viên của Ngân hàng Thế giới đánh giá mục tiêu chiến lược kinh tế-xã hội của Chính phủ Việt Nam đến năm 2020 giảm người làm nông nghiệp từ 70% như hiện nay xuống còn khoảng 30% với câu hỏi “Thiết kế như thế thì 40% nông dân còn lại sẽ đi đâu? Sống như thế nào?”.

Đã đến lúc chúng ta cần nghiêm túc nhận thức lại để điều chỉnh quy mô, tốc độ và phương thức của đô thị hóa sao cho hợp lý. Một trong số nhận thức đó là không nên để mất tam nông, cần phải có những bước đi quyết liệt để tam nông phát triển mạnh theo chiều sâu.

Loại đô thị có quy mô vừa và nhỏ, kết hợp sản xuất nông nghiệp tiên tiến với thương mại, dịch vụ, là phù hợp với nông thôn Việt Nam, đảm bảo “ly nông bất ly hương”, giữ lại thanh niên mà vẫn “văn minh hóa” nông thôn. □

CHÚ THÍCH

(1) Tạp chí Xã hội học, tháng 2/1996, tr. 96-100.

(2) Myung-Goo Kang. 1998. *Development and Society*. Seoul National University, tr. 99-120. Nhiều tác giả. 2002. *Những vấn đề văn hóa, xã hội và ngôn ngữ Hàn Quốc*. Nxb. Đại học Quốc gia TPHCM, tr. 144-151.

(3) <http://pum.princeton.edu/pumconference/papers/2-Hugo.pdf>

(4) Phần số liệu thống kê của Việt Nam là tác giả bổ sung vào bảng do Hugo không có số liệu cập nhật.

(5) Xem: *Đồng bằng sông Cửu Long: Thực trạng và giải pháp để trở thành vùng trọng điểm phát triển kinh tế giai đoạn 2006-2010*, tr. 458-462. Nxb. Đại học Quốc gia TPHCM. 2006.

1. Bộ Xây dựng. 1999. *Định hướng quy hoạch tổng thể phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2020*. Hà Nội: Nxb. Xây dựng.

2. Huỳnh Lứa. 2000. *Góp phần tìm hiểu vùng đất Nam Bộ các thế kỷ XVII, XVIII, XIX*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

3. Macionis, J. John. 1991. *Sociology*. Kenyon College.

4. Nhiều tác giả. 2002. *Những vấn đề văn hóa, xã hội và ngôn ngữ Hàn Quốc*. TPHCM: Nxb. Đại học Quốc gia TPHCM.

5. Nguyễn Minh Hòa. 2005. *Vùng đô thị châu Á và TPHCM*. TPHCM: Nxb. Tổng hợp TPHCM.

6. Nguyễn Minh Hòa, Ngô Văn Lệ. 2006. *Social Development in the South of Vietnam*. HCM City: VNU-HCM Publishing House.

7. Nguyễn Minh Hòa. 2007. *Văn hóa ngoại thành - Từ góc nhìn thiết chế*. TPHCM: Nxb. TPHCM.

8. Nguyễn Minh Hòa. 2008. *Tiềm năng cho kỳ tích sông Sài Gòn*. TPHCM: Nxb. TPHCM.

9. Nguyễn Minh Hòa. 2012. *Đô thị học - Những vấn đề lý thuyết và thực tiễn*. TPHCM: Nxb. Đại học Quốc gia TPHCM.

10. Palen, J. John. 1997. *The Urban World*. Virginia Commonwealth University.

11. Phân viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn miền Nam, Bộ Xây dựng. 2005. *Quy hoạch xây dựng Đồng bằng sông Cửu Long*.

12. Sơn Nam. 2006. *Đất Gia Định-Bến Nghé xưa và người Sài Gòn*. TPHCM: Nxb. Trẻ.

13. Sơn Nam. 1999. *Hương rừng Cà Mau*. TPHCM: Nxb. Trẻ.

14. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TPHCM. 2006. *Đồng bằng sông Cửu Long: Thực trạng và giải pháp*. TPHCM: Nxb. Đại học Quốc gia TPHCM.

15. Viện Nghiên cứu Xã hội TPHCM. 2006. *Sài Gòn-Thành phố Hồ Chí Minh: Con người và văn hóa trên đường phát triển*. TPHCM: Nxb. Tổng hợp TPHCM.